

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2017/HSPT

Ngày: 18/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Anh Kiệt**

Các Thẩm phán:

1/ Ông Phan Văn Liệt

2/ Ông Huỳnh Văn Trục

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Cán bộ
Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 225/2017/HSPT ngày 24/04/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Vũ Thùy V, Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Chu Huy T và Dương Ngọc L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 14/03/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

1/ **Phạm Văn N**, giới tính: nam; sinh năm: 1990 tại tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Xóm V, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú: Số 44/10E B, Phường 15, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; họ và tên cha: Phạm Văn T sinh năm 1967, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị V sinh năm 1969; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2016, (có mặt tại phiên tòa).

2/ **Hà Hùng Minh V1**, tên gọi khác: Dương; giới tính: nam; sinh năm: 1982 tại tỉnh Bình Định; trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 44/10E B, Phường 15, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; họ và tên cha: vô danh; họ và tên mẹ: Hà Thị S (đã chết); có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không;

Về nhân thân:

- Ngày 17/01/2001 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 12/HSST ngày 17/01/2001);

- Ngày 09/4/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 275/2009/HSST ngày 21/12/2009 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 192/2010/HSPT ngày 09/4/2010)

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2016, (có mặt tại phiên tòa).

3/ **Nguyễn Vũ Thùy V**; tên gọi khác: Ni; giới tính: nam; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: 69/1 đường P, Phường 17, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; họ và tên cha: Nguyễn Vũ T sinh năm 1973, họ và tên mẹ: Hà Thị Thu V sinh năm 1976; có chồng (không đăng ký kết hôn), có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh ngày 28/10/2014); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2016 đến ngày 02/12/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt tại phiên tòa).

Các bị cáo kháng cáo, bị kháng nghị:

4/ **Chu Huy T**, giới tính: nam; sinh năm: 1983 tại Thành phố Hà Nội; trú tại: Thôn C, xã Hoàng L, huyện P, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Số 44/10E B, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; họ và tên cha: Chu Huy T1 sinh năm 1956, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T (đã chết); chưa có vợ con;

Tiền án:

- Ngày 16/3/2010, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2013 (Bản án số 29/2010/HSST ngày 16/3/2010).

- Ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 433/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt Chu Huy T 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. (Bản án số 690/2016/HSPT ngày 23/11/2016)

Về nhân thân:

Ngày 24/9/2008 của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 252/2008/HSST ngày 24/9/2008).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/5/2016, (có mặt tại phiên tòa).

5/ **Dương Ngọc L**; giới tính: nam; sinh năm: 1988 tại tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn Ao Trạch, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú: Số 44/10E B, Phường 15, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; họ và tên cha: Dương Văn T sinh năm 1951, họ và tên mẹ: Đặng Thị Đ sinh năm 1958; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Về nhân thân:

(1) Ngày 25/9/2007, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 26/HSST ngày 25/9/2007).

(2) Ngày 26/7/2008 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 26/HSST ngày 25/9/2007, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 09 tháng 09 ngày tù (Bản án số 26/2008/HSST ngày 26/7/2008).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2016, (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1/ Ông **Nguyễn Ngọc V**; sinh năm 1995; Trú tại: xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Tạm trú: 440/5 đường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2/ Bà **Đinh Thị Ngọc H**; sinh năm 1995; Trú tại: 170 T, Phường 11, Thành phố Đà Lạt; Tạm trú: 440/5 đường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

3/ Ông **Võ Minh T**; sinh năm 1993; Trú tại: Ấp 3, xã Mỹ Xuân, thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: 440/5 đường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

4/ Ông **Trịnh Văn Đ**; sinh năm 1995; Trú Tại: Tổ 5, Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Tạm trú: 440/5 đường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

5/ Ông **Đoàn Trung V**; sinh năm 1995; Trú Tại: Tổ 5, Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Tạm trú: đường K, phường K, huyện T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

Người có quyền lợi n vụ liên quan:

1/ Ông **Trương Minh U**; sinh năm 1973; Trú Tại: 340 Lô A, Chung cư A, Phường V, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 30, đường số Z phường Q, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận X và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 ngày 15/5/2016, Hà Hùng Minh V1 đến phòng trọ của Chu Huy T (số 44/10E B, phường 15, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) bàn và rủ T đi trộm cắp tài sản; nghe V1 nói chỗ đó có nhiều xe gắn máy, T liền nói Nguyễn Vũ Thùy V (là bạn gái của T) lên tìm Phạm Văn N, Dương Ngọc L (ở cùng khu nhà trọ) xuống bàn chuyện đi trộm cắp tài sản. Sau khi L và N xuống phòng, V1 đã bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho từng người, cụ thể như sau: Do trước đó V1 đã quan sát, biết một địa điểm khu nhà trọ bên Quận 7 có nhiều người để xe ngoài hành lang phòng trọ ban đêm, không ai trông coi. Cả nhóm V1, T, V, L, N sẽ cùng qua đó trộm cắp tài sản. Trong đó, V1, T và N sẽ đi vào dãy phòng trọ, V1 mở khóa cổng, N dùng dụng cụ phá khóa xe (còn gọi là đoạn) do V1 chuẩn bị sẵn) mở khóa xe để T, V1 và N lấy xe ra, còn L và V đứng bên ngoài giữ xe, cảnh giới chờ lấy xong rồi cùng nhóm tẩu thoát; V1 biết chỗ bán và chịu trách nhiệm bán xe và sẽ chia tiền cho cả nhóm.

Bàn bạc xong, khoảng 02 giờ ngày 16/5/2016, L và N chở nhau trên 01 xe gắn máy, V1, T, V đi trên 01 xe từ quận Csang Quận X để trộm cắp.

Khi đi đến số nhà 440/5 H, khu phố 2, phường B, Quận X là địa điểm đã quan sát trước. Theo bàn bạc từ trước, V và L đứng ngoài cảnh giới, còn V1, T, N đi vào nhà trọ. V1 mở khóa cổng để cả 03 người cùng đi vào bên trong hành lang dãy nhà trọ. V1 đưa cho N một đoạn phá khóa. N dùng đoạn phá khóa mở 03 xe

máy gồm xe Sirius biển số 49B1-238.36 của chị Đinh Thị Ngọc H; 01 xe gắn máy hiệu Sirius biển số 86B8-129.63 của anh Trịnh Văn Đ; 01 xe gắn máy hiệu Wave S biển số 63B6-129.81. V1, T, N mỗi người dắt một xe ra ngoài, nô máy cùng L, V tẩu thoát về quận U. V1 điện thoại cho một người thanh niên (không rõ lai lịch) ra ngoài đường xem xe và bán 03 xe trộm cắp được giá 5.000.000 đồng, chia nhau mỗi người được 1.000.000 đồng.

V1 nói L và V chở nhau về nhà trọ trước, V1, T và N tiếp tục quay lại nhà 440/5 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 2, phường Bình Thuận, Quận 7 để trộm xe. Bằng thủ đoạn như cũ, V1, T và N tiếp tục trộm cắp được xe gắn máy hiệu Vasion biển số 81M-049.54 của anh Nguyễn Ngọc Vệt; 01 xe gắn máy hiệu Sirius biển số 86B8-279.44 của anh Đoàn Trung Vên mang sang Gò Vấp bán tiếp được 7.000.000 đồng. Chia nhau V1, T, N mỗi người 2.000.000 đồng, L và V mỗi người 500.000 đồng.

Người bị hại phát hiện mất xe đã cùng chủ nhà trọ Uch xuất Camera ghi lại hình ảnh các đối tượng trộm cắp tài sản, trình báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra truy xét và các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã triệu tập Hà Hùng Minh V1, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V đến làm Vệc và V1, N, L, V đã khai nhận toàn bộ hành V phạm tội. Chu Huy T bị Công an quận Thủ Đức bắt giữ trong một vụ án khác cũng đã khai nhận hành V trộm cắp tài sản tại Quận X như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 14/03/2017 của Tòa án nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Chu Huy T 04 (bốn) năm tù; tổng hợp với hình phạt của Bản án số 690/2016/HSPT ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 433/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận TĐ xử phạt Chu Huy T 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

2. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

3. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

4. Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 28, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc từng bị cáo Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Hà Hùng Minh V1, Nguyễn Vũ Thùy V bồi thường cho các bị hại, cụ thể Ông Đoàn Trung Yên 18.000.000 đồng, Ông Võ Minh T 6.000.000 đồng, Bà Đinh Thị Ngọc H 5.000.000 đồng, Ông Trịnh Văn Đ 12.000.000 đồng, Ông Nguyễn Ngọc V 30.000.000 đồng, ông Trương Minh U là người có quyền lợi và n vụ liên quan số tiền 17.000.000 đồng.

Ngày 28 tháng 03 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 14/03/2017 của Tòa án nhân dân Quận X đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng:

1/Tuyên buộc các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Đoàn Trung Yên 18.000.000 đồng, Trịnh Văn Đ 12.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Vệt 30.000.000 đồng, Võ Minh T 6.000.000 đồng và Đinh Thị Ngọc H 5.000.000 đồng (Trách nhiệm bồi thường là như nhau);

2/Các bị cáo không phải trả tiền cho ông Trương Minh U;

3/Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa Vệt Tiếp;

4/Tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N.

Đồng thời, ngày 17/3/2017 và ngày 24/3/2017 các bị cáo Dương Ngọc L và Chu Huy T xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát Viên và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 14/03/2017 của Tòa án nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V về tội “Trộm

cấp tài sản” theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng: Tuyên buộc các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Đoàn Trung Vên 18.000.000 đồng, Trịnh Văn Đ 12.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Vệt 30.000.000 đồng, Võ Minh T 6.000.000 đồng và Đinh Thị Ngọc H 5.000.000 đồng (Trách nhiệm bồi thường là như nhau); Các bị cáo không phải trả tiền cho ông Trương Minh U; Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa Vệt Tiệp; tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N.

Đồng thời, vào các ngày 17/3/2017 và ngày 24/3/2017 các bị cáo Dương Ngọc L và Chu Huy T xin giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, nghĩ nên chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

1/ Đối với kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này những người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cụ thể: ông Đoàn Trung Vên yêu cầu bồi thường 18.000.000 đồng, ông Võ Minh T yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng, bà Đinh Thị Ngọc H yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng, ông Trịnh Văn Đ yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc Vệt yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 71.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” có tính chất đồng phạm do các bị cáo gây ra, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Vì vậy các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, nghĩa vụ bồi thường là như nhau. Do đó, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận X về vấn đề này là có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận. Các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 71.000.000 đồng cho các người bị hại, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 14.200.000 đồng.

2/ Riêng đối với ông Trương Minh U là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trước đây đã tự nguyện bồi thường hỗ trợ cho các bị cáo số tiền 17 triệu đồng để hoàn trả lại cho các bị hại, cụ thể bồi thường cho bà Đinh Thị Ngọc H 05 triệu đồng, ông Võ Minh T 05 triệu đồng, ông Nguyễn Ngọc Vệt 07 triệu đồng. Tuy nhiên, ngày 13/3/2017 ông Trương Minh U có đơn yêu cầu buộc các bị cáo phải liên đới hoàn trả lại số tiền 17 triệu đồng cho ông U (Bút lục 367). Xét đây là yêu cầu hợp pháp và có căn cứ. Do vậy cần buộc các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V phải có

trách nhiệm liên đới hoàn trả lại số tiền 17 triệu đồng cho ông U, cụ thể mỗi bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 3.400.000 đồng. Do vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh về Việc đề nghị các bị cáo không phải trả tiền cho ông Trương Minh U.

3/ Đối với kháng nghị đề nghị tịch thu 01 ổ khóa Vệt Tiệp: Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng của vụ án thu giữ ở nhà trọ số 440/5 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã có đình chính vấn đề này tại Thông báo đình chính số 04/2017/TBBS-HS ngày 27/3/2017 (Bút lục 418). Tuy nhiên tại Biên bản nghị án (Bút lục từ 394 -397) chưa được Hội đồng xét xử thông qua Việc tịch thu tiêu hủy đối với 01 ổ khóa Vệt Tiệp. Do vậy, thông báo bổ sung, đình chính bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm, tịch thu tiêu hủy đối với 01 ổ khóa Vệt Tiệp là vật chứng thu giữ trong vụ án.

4/ Về kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Phạm Văn N tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ và thỏa đáng. không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh về Việc tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn N.

Đối với bị cáo Chu Huy T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: về nhân thân ngày 16/3/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong ngày 28/01/2013 (Bị cáo chưa nộp phần án phí và bồi thường dân sự). Đến nay 23/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do bị cáo phạm tội thuộc trường tái phạm và khi xét xử bị cáo phải chịu hình phạt tổng hợp của nhiều bản án, xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, nhiều tiền án. Mức án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 04 năm tù là có căn cứ. Nay, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Chu Huy T.

Đối với bị cáo Dương Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Do bị cáo có nhân thân xấu, 02 lần bị cáo bị Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử, đến nay đã được xóa án tích. Lần này tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật nhà nước, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm d khoản 1 khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Huy T và Dương Ngọc L. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận X thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo **Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L** cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Chu Huy T 04 (bốn) năm tù**. Tổng hợp với hình phạt **01(Một) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 690/2016/HSPT ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2016.

2. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

3. Áp dụng Điểm a, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Dương Ngọc L 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2016.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 14.200.000 (Mười bốn triệu, hai trăm ngàn) đồng để giải quyết yêu cầu bồi thường cho:

1/ Ông Đoàn Trung Vên 18.000.000 (mười tám triệu) đồng,

- 2/ Ông Võ Minh T 6.000.000 (sáu triệu) đồng,
- 3/ Bà Đinh Thị Ngọc H 5.000.000 (năm triệu) đồng,
- 4/ Ông Trịnh Văn Đ 12.000.000 (mười hai triệu) đồng,
- 5/ Ông Nguyễn Ngọc V 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng

Buộc các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Chu Huy T, Phạm Văn N, Dương Ngọc L, Nguyễn Vũ Thùy V, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 3.400.000 (Ba triệu, bốn trăm ngàn) đồng để giải quyết yêu cầu bồi thường cho Ông Trương Minh U 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm d khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003:

Tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa Vệt Tiệp. (Theo biên bản về Việc giao nhận vật chứng, tài sản số 08 ngày 14/10/2016).

Các bị cáo Chu Huy T, Dương Ngọc L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hà Hùng Minh V1, Phạm Văn N, Nguyễn Vũ Thùy V mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Q.X; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (5)
- Chi cục THA Q.X; (1)
- TAND Q.X; (2)
- Công an Q.X; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (35) (4)

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Anh Kiệt